CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
DN: C=VN, S=ĐÀ NẴNG, L=Hòa Cường, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG, OID.0.9.2342.19200300100.1.1=MST:0400101066
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026-10-31 19:58:07
Foxit PhantomPDF Version: 9.5.0

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

06/TTr- HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 10 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp 2025;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/ NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;

Căn cứ Công văn số 10804/UBND-STC ngày 20 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc ý kiến với dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng đã tổ chức rà soát Điều lệ hiện hành và nhận thấy một số nội dung cần được sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm phù hợp với các quy định pháp luật mới có hiệu lực, tăng cường tính minh bạch, rõ ràng trong quản trị doanh nghiệp và đáp ứng yêu cầu về mô hình tổ chức, thực tiễn hoạt động của Công ty.

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã xây dựng Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động (sửa đổi, bổ sung) của Công ty, đồng thời lập Phụ lục các nội dung sửa đổi, bổ sung kèm theo Tờ trình này

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua toàn bộ các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo Phụ lục đính kèm, làm cơ sở để hoàn thiện, ban hành và tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, HCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Hồ Hương

PHỤ LỤC: CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

(Kèm theo Tờ trình số 06/TTr- HĐQT, ngày 30 tháng 10 năm 2026)

Các nội dung khác biệt về quản trị công ty giữa Điều lệ hiện hành và Điều lệ dự thảo được tóm tắt tại bảng so sánh kèm theo.

Ghi chú:

- Nội dung in đậm: nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc lược bỏ trong Điều lệ dự thảo.

I. NHỮNG NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1	**Phần mở đầu**		
	Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021.	**Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng thông qua theo Nghị quyết số .../NQ-ĐHĐCĐ ngày ..... tháng ... năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết được thông qua.** **Điều lệ này thay thế Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021.**	*Sửa đổi để cập nhật căn cứ ban hành, xác định hiệu lực Điều lệ mới thay thế Điều lệ năm 2021, bảo đảm phù hợp Luật Doanh nghiệp và tình hình thực tế của Công ty.*
2	**Điều 1. Giải thích thuật ngữ**	**Điều 1. Giải thích thuật ngữ**	
	d) Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;	*d) Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 **và các luật sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)**	*Sửa đổi để cập nhật tên và tình trạng hiệu lực của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán theo các luật sửa đổi, bổ sung mới nhất, bảo đảm Điều lệ phù hợp quy định pháp luật hiện hành.*
	e) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019	e) "*Luật Chứng khoán*" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 **và các luật sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)**	
3	**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty**	**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty**	
	3. Trụ sở đăng ký của Công ty: Địa chỉ trụ sở chính: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường **Nam, Quận Hải Châu,** Thành phố Đà Nẵng	3. Trụ sở đăng ký của Công ty: Địa chỉ trụ sở chính: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng	

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	Điện thoại: **0236.3696 632** **Fax: 0236. 3697 222**	Điện thoại: **0236.3697 999**	
4	**Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**	**Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**	
	1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là:	1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là: Bổ sung: **Mã ngành 4659: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác** Chi tiết: *- Kinh doanh sản phẩm gia công cơ khí, máy móc, thiết bị, vật tư. - Thực hiện liên kết kinh doanh, làm: nhà phân phối, đại diện, đại lý các sản phẩm vật tư, thiết bị, công nghệ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.*	***- Mã ngành 4659*** *(Bán buôn máy móc, thiết bị): Bổ sung nhằm phục vụ hoạt động tự chủ cung ứng, gia công vật tư, đồng hồ, thiết bị chuyên ngành nước cho các dự án của Công ty;*
5	**Điều 9. Chào bán cổ phần, bán cổ phần**	**Điều 9. Chào bán cổ phần, bán cổ phần**	
	1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ. Chào bán cổ phần **của Công ty** được thực hiện theo quy định tại các Điều 123, Điều 124 và Điều 125 Luật Doanh nghiệp, **Chương II của Luật Chứng khoán và** các quy định của pháp luật **liên quan** về chứng khoán và thị trường chứng khoán. **2. Bán cổ phần:** Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. **Phương thức và giá bán cổ phần được thực hiện** theo Điều 126 Luật Doanh nghiệp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.	**1. Chào bán cổ phần** là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ. **Việc chào bán cổ phần được thực hiện theo quy định tại các Điều 123, 124 và 125 của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan.** **2.** Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần **theo quy định tại Điều 126 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp luật có liên quan.**	*Chuẩn hóa cách dẫn chiếu, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và tăng tính linh hoạt khi áp dụng*
6	**Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần, thừa kế cổ phần**	**Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần**	
	5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại	**5. (Lược bỏ toàn bộ khoản 5)**	*Quy định cũ tại Khoản 5 được xây dựng dựa trên khoản 6 Điều 126 Luật Doanh nghiệp 2014. Tuy nhiên, nội dung này đã được bãi*

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
			bỏ và không còn xuất hiện trong Luật Doanh nghiệp 2020.
7	**Điều 14. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức**	**Điều 14. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức**	
	Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty hoặc việc trả cổ tức trái với khoản 5 Điều 12 hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 13 Điều lệ này, cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì **cổ đông đó và** tất cả các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.	Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty hoặc việc trả cổ tức trái với khoản 5 Điều 12 hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 13 Điều lệ này, cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì tất cả các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi **giá trị** số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.	*Sửa đổi câu chữ nhằm bám sát và đồng bộ hoàn toàn với quy định tại Điều 136 Luật Doanh nghiệp.*
8	**Điều 16. Quyền của cổ đông**	**Điều 16. Quyền của cổ đông**	
	1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: g) **Trường hợp** Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ **số cổ phần sở hữu** tại Công ty **sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;**	1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: g) **Khi** công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ **sở hữu cổ phần** tại công ty, **sau khi Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.**	*Điều chỉnh câu chữ nhằm bám sát theo đúng tinh thần quy định tại Khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.*
9	**Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**	**Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**	
	Khoản 2 điểm r r) Chấp thuận các giao dịch với cổ đông, người quản lý Công ty và người có liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán	**Khoản 2 điểm r** r) Chấp thuận các giao dịch **giữa Công ty** với cổ đông, người quản lý Công ty và người có liên quan theo quy định **của pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và Điều lệ Công ty.**	*Quy định cũ dẫn chiếu cụ thể đã được sửa đổi, bổ sung; việc điều chỉnh sang dẫn chiếu chung nhằm bảo đảm tính linh hoạt, tránh lỗi thời và thống nhất trong áp dụng.*
10	**Điều 22. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**	**Điều 22. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**	
	1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo các quy định như sau:	**1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được thực hiện trong các trường hợp quy**	***Chuẩn hóa theo Điều lệ mẫu Công ty đại chúng:*** *Nội dung sửa đổi bảo đảm*

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	a) Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này; b) Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 và tại điểm a khoản 4 Điều 18 Điều lệ này; c) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thì thực hiện theo quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 18 Điều lệ này;	**định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.** Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thì thực hiện theo quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 18 Điều lệ này;	*tiệm cận và thống nhất tuyệt đối với mẫu Điều lệ quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính và các nguyên tắc cốt lõi của Luật Doanh nghiệp hiện hành.*
	2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết /bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết /bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập **dựa trên sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập** không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	*Bổ sung điểm a khoản 2 Điều 22 theo khoản 21 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025*
10	**Điều 25. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**	**Điều 25. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**	
	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông **có quyền biểu quyết dự họp** tán thành hoặc **của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản chấp thuận**, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 và khoản 4 Điều này: **2.** Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông **có quyền biểu quyết dự họp** tán thành hoặc của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết được lấy ý kiến cổ đông bằng văn	**1.** Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông **tham dự và biểu quyết tại cuộc họp** tán thành. hoặc **được số cổ đông có quyền biểu quyết đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên tán thành khi lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 và khoản 4 Điều này: **2.** Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông **tham dự và biểu quyết tại cuộc họp**	*Sửa theo khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022*

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	bản chấp thuận, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều này.	tán thành hoặc **được số cổ đông có quyền biểu quyết đại diện từ năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên tán thành khi lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản,** trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều này.	
11	**Điều 31. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**	**Điều 31. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**	
	4. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu **1/3** tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	4. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu **01 (một)** thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	*Sửa đổi theo quy định Khoản 79 Điều 1 NĐ 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 276 NĐ 155*
12	**Điều 32. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**	**Điều 32. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**	
	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau: a) **Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ**, không thuộc **đối tượng không được** quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty; c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty **có thể** đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác phù hợp với các quy định của pháp luật; d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty; **không được là người có liên quan của viên chức quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng;**	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau: **a) Không thuộc đối tượng** quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp. **b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên;** Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. **c)** Thành viên Hội đồng quản trị công ty **chỉ được** đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị **hoặc Hội đồng thành viên** của **tối đa 05** công ty khác. d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty;	*Chuẩn hóa điểm a, c, d bảo đảm bám sát Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020, sửa đổi điểm c theo quy định tại khoản 78 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025; Bổ sung điểm b theo đề nghị của Sở Nội vụ TP Đà Nẵng tại Công văn số 9564/SNV-CCVC ngày 08/10/2026*
	2. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:	2. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:	*Để phù hợp với quy định tại Điều 160 Luật Doanh*

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	a) **Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm:** - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này **hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;** - Có đơn từ chức và được chấp thuận; - Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó; - Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa. b) **Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm trong các trường hợp:** **- Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;** - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;	a) **Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:** - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này; - Có đơn từ chức và được chấp thuận; - Không còn là người đại diện theo ủy quyền **hoặc đại diện phần vốn** của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó; - Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa. b) **Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:** - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;	*nghiệp 2020 và chuẩn hóa thuật ngữ pháp lý trong Điều lệ Công ty.*
13	**Điều 33. Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị**	**Điều 33. Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị**	
	i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý **quan trọng** khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; ;	i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý khác **theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật**; quyết định tiền lương, thù lao, **tiền** thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	*Chuẩn hóa cách dẫn chiếu, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và tăng tính linh hoạt khi áp dụng*
14	**Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị**	**Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị**	
	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc **Công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty đại chúng khác.**	*Bổ sung theo quy định Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP*
15	**Điều 37. Biên bản họp Hội đồng quản trị**	**Điều 37. Biên bản họp Hội đồng quản trị**	
	Khoản 2 Điều 37	**Khoản 2 Điều 37**	*Sửa đổi, bổ sung theo khoản 6 Điều*

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. .	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự **và đồng ý thông qua biên bản họp ký** và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực**. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.**	*7 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022*
16	**Điều 43. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc**	**Điều 43. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc**	
	Khoản 3 điểm b, c b) Không được là người có **quan hệ gia đình** của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty; người đại diện phần vốn nhà nước; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty; c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.	**Khoản 3 điểm b, c** b) Không được là người có **liên quan** của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty. c) **Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên;** Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.	*Sửa đổi, bổ sung theo khoản 83 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025; Bổ sung điểm c theo đề nghị của Sở Nội vụ TP Đà Nẵng tại Công văn số 9564/SNV-CCVC ngày 08/10/2026*
17	**<u>Điều 44. Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</u>**		
	2. Các Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc **Công ty** trong việc điều hành Công ty theo phân công và uỷ quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về nhiệm vụ được **Tổng Giám đốc** phân công và uỷ quyền. 3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán của Công ty; **giúp Tổng Giám đốc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty; đề xuất các giải pháp và điều kiện tạo nguồn vốn cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh, đầu tư phát triển Công ty; quản lý, kiểm tra, giám sát công tác tài chính**	2. Các Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc trong việc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền. 3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán của Công ty; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền. Tiêu chuẩn **và điều kiện chuyên môn của Kế toán trưởng** được thực hiện theo quy định của	*-**Về thẩm quyền:** Khái quát hóa quy trình để xử lý hài hòa giữa thẩm quyền quyết định nhân sự theo Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan.* *- **Về nhiệm kỳ:** Lược bỏ quy định cứng nhắc về thời hạn 05 năm tại khoản 4 cũ nhằm bảo đảm tính*

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	kế toán của Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có các quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền. Tiêu chuẩn **tuyển chọn Kế toán trưởng Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Kế toán và các quy định của pháp luật.** **4. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm, ký hợp đồng với thời hạn năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm, ký hợp đồng lại.**	**pháp luật về kế toán và các quy định pháp luật có liên quan** **4. (Lược bỏ)**	*tương thích với Bộ luật Lao động, giúp HĐQT và Tổng Giám đốc chủ động quyết định thời hạn làm việc theo nhu cầu thực tế.* *- **Hiệu quả điều hành:** Đẩy các bước thủ tục chi tiết vào Quy chế nội bộ để tăng tính bảo mật và linh hoạt, tránh việc phải sửa đổi Điều lệ khi điều chỉnh quy trình phối hợp nội bộ.*
18	<u>**Điều 45. Bộ máy giúp việc**</u>		
	1. **Bộ máy giúp việc gồm** các phòng chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty trong việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty. 2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, **các đơn vị sản xuất được quy định tại** quyết định thành lập, quyết định giao nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Công ty và theo quy chế quản lý nội bộ do Tổng Giám đốc Công ty xây dựng trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt, Hội đồng quản trị Công ty ký quyết định ban hành. 3. Trong quá trình hoạt động, Tổng Giám đốc Công ty có quyền đề nghị Hội đồng quản trị **Công ty** thay đổi cơ cấu, **định biên, số lượng và** chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ **và các đơn vị sản xuất** phù hợp với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.	**1. Công ty có** các phòng, **ban** chuyên môn, nghiệp vụ **và các đơn vị trực thuộc để thực hiện chức năng** tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc **và tổ chức triển khai các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.** **2. Cơ cấu tổ chức**, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn **và mối quan hệ công tác** của các phòng, **ban** chuyên môn, nghiệp vụ **và các đơn vị trực thuộc được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty,** quyết định thành lập, quyết định giao nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Công ty và theo quy chế quản lý nội bộ do Tổng Giám đốc Công ty xây dựng trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt, Hội đồng quản trị Công ty ký quyết định ban hành. 3. Trong quá trình hoạt động, Tổng Giám đốc Công ty có quyền đề nghị Hội đồng quản trị **xem xét, quyết định việc** thay đổi cơ cấu **tổ chức**, chức năng, nhiệm vụ của các phòng, **ban** chuyên môn, nghiệp vụ **và các đơn vị trực thuộc để** phù hợp với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.	*- Tối ưu hóa tính linh hoạt trong điều hành: Điều lệ là văn bản pháp lý cao nhất, quy trình sửa đổi phức tạp (bắt buộc phải qua Đại hội đồng cổ đông). Việc giữ quy định chi tiết về cơ cấu, định biên cấp phòng ban trong Điều lệ sẽ làm bó buộc quyền chủ động của Ban điều hành, gây chậm trễ trong việc điều chỉnh nhân sự/phòng ban để đáp ứng thực tế sản xuất kinh doanh thay đổi liên tục.* *- Đảm bảo đúng bản chất pháp lý của Điều lệ: Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ công ty đại chúng chỉ quy định bộ khung*

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
			quản trị thượng tầng (HĐQT, TGĐ, Ban Kiểm soát). Việc tổ chức bộ máy giúp việc cấp dưới thuộc thẩm quyền tự chủ nội bộ của doanh nghiệp.
19	**Điều 47. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**	**Điều 47. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**	
	3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các đông khác đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.	**Lược bỏ**	*- Nội dung cốt lõi về việc xử lý tình huống thiếu ứng viên và tổ chức cho cổ đông đề cử bổ sung đã được bao quát đầy đủ, trọn vẹn tại Khoản 2 Điều này*
20	**Điều 48. Thành phần Ban Kiểm soát**	**Điều 48. Thành phần Ban Kiểm soát**	
	Khoản 2 Điều 48 2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định sau: a) **Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;** b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; c) Không được là người có quan hệ gia đình của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty; **không được là người có liên quan của viên chức quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức**	**Khoản 2 Điều 48** **2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:** **a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;** **b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.**	*- Tinh gọn văn bản và chuẩn hóa lập quy: Dẫn chiếu khung đến Điều 169 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 để loại bỏ các nội dung liệt kê trùng lặp, giúp Điều lệ ngắn gọn và luôn tự động cập nhật theo luật thượng tầng.* *- Nhấn mạnh 2 tiêu chí cốt lõi tại điểm a và b nhằm cụ thể hóa nghĩa vụ tách biệt nghiêm ngặt đối với nhân sự kiểm soát công ty đại*

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng; d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty; e) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; f) Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó. g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.		*chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC, giúp dễ dàng nhận diện rủi ro xung đột lợi ích.*

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 07/TTr-HĐQT	*Đà Nẵng, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị
Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Luật số 68/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025 về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/ NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng;

Căn cứ yêu cầu rà soát, cập nhật Quy chế nội bộ về quản trị Công ty nhằm bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng đã tổ chức rà soát Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện hành và nhận thấy cần thiết sửa đổi, bổ sung một số nội dung nhằm cập nhật các quy định pháp luật mới, đồng thời bảo đảm sự thống nhất giữa Quy chế nội bộ về quản trị Công ty với Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ có liên quan. Nội dung sửa đổi, bổ sung tập trung vào việc:

1. Cập nhật, chuẩn hóa các quy định về căn cứ và thuật ngữ pháp lý tại Quy chế theo các quy định pháp luật hiện hành;

2. Điều chỉnh một số quy định về quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông; việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, tham gia biểu quyết, bầu cử; điều kiện thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

3. Cập nhật, hoàn thiện các quy định về vai trò, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị; tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị; các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm,

thay thế thành viên Hội đồng quản trị và việc lập, ký Biên bản họp Hội đồng quản trị;

4. Rà soát, chuẩn hóa các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của Kiểm soát viên và việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát;

5. Cập nhật quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng giám đốc;

6. Đồng thời chỉnh sửa một số nội dung kỹ thuật, loại bỏ quy định trùng lặp và bảo đảm tính thống nhất giữa các điều khoản của Quy chế.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung được thể hiện cụ thể tại Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (sửa đổi, bổ sung) và Phụ lục/Bảng tổng hợp các nội dung sửa đổi, bổ sung kèm theo Tờ trình này.

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty là cần thiết nhằm bảo đảm Quy chế phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và thực tiễn quản trị, điều hành của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (sửa đổi, bổ sung) kèm theo Tờ trình này./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, HCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0400101066 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Hồ Hương

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ

(Kèm theo Tờ trình số 07/TTr-HĐQT, ngày 30 tháng 10 năm 2026)

Các nội dung khác biệt về quản trị công ty giữa Quy chế hiện hành và Quy chế dự thảo được tóm tắt tại bảng so sánh kèm theo.

Ghi chú:

- Nội dung in đậm: nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc lược bỏ trong Quy chế dự thảo.

I. NHỮNG NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1	**Điều 2. Giải thích thuật ngữ**	**Điều 2. Giải thích thuật ngữ**	
	7. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;	7. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 **và các luật sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)**	*Sửa đổi để cập nhật tên và tình trạng hiệu lực của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán theo các luật sửa đổi, bổ sung mới nhất, bảo đảm phù hợp quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.*
	8. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019	8. "*Luật Chứng khoán*" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 **và các luật sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)**	
2	**Điều 3. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ**	**Điều 3. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ**	
	13. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật	13. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật **và Điều lệ Công ty**	
3	**Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**	**Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**	
	2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông, của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được	2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết **/bầu cử** tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông, **sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán** của	*Bổ sung khoản 2 Điều 6 theo khoản 21 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025, và điểm a khoản 2 Điều 22 Điều lệ Công ty*

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ	công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ	
4	**Điều 12. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông**	**Điều 12. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông**	
	18. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng;	18. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán **(được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ);**	*sửa đổi, bổ sung theo quy định mới tại khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP)*
5	**Điều 15. Cách thức bỏ phiếu bầu cử**	**Điều 15. Cách thức bỏ phiếu bầu cử**	
	2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu (…) - Cách ghi phiếu bầu cử: **Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:** **Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô "Bầu dồn phiếu" của các ứng viên tương ứng;** **Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô "Số phiếu bầu" của các ứng viên tương ứng.** **Nội dung khác theo quy định tại quy chế bầu cử.** *** Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô "Bầu dồn phiếu" vừa ghi số lượng ở ô "Số phiếu bầu" thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô "Số phiếu bầu".**	2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu (…) - Cách ghi phiếu bầu cử: **Thực hiện theo Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quy định pháp luật có liên quan.**	*Lược bỏ nhằm bảo đảm tính linh hoạt, thống nhất và thuận tiện trong việc sửa đổi, cập nhật quy định.*
6	**Điều 17. Điều kiện để nghị quyết được thông qua**	**Điều 17. Điều kiện để nghị quyết được thông qua**	
	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông **có quyền biểu**	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả	*Sửa theo khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022*

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	quyết dự họp tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành hoặc của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản chấp thuận, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 và khoản 4 Điều này.	các cổ đông **tham dự và biểu quyết tại cuộc họp** tán thành hoặc **được số cổ đông có quyền biểu quyết đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên tán thành khi lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 và khoản 4 Điều này	*và khoản 1, 2 Điều 25 Điều lệ Công ty*
	2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông **có quyền biểu quyết dự họp** tán thành hoặc của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản chấp thuận, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều này	2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông **tham dự và biểu quyết tại cuộc họp** tán thành hoặc **được số cổ đông có quyền biểu quyết đại diện từ năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên tán thành khi lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều này	
7	**Điều 47. Vai trò, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản**	**Điều 47. Vai trò, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản**	
	Khoản 1 điểm h h. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, và người quản lý khác của công ty;	**Khoản 1 điểm h** h. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, **Người phụ trách quản trị công ty** và người quản lý khác của công ty;	*Bổ sung theo khoản 81 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025*
8	**Điều 48. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị**	**Điều 48. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị**	
	1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền, theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan, Điều lệ Công ty Quy chế này	1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền, **nghĩa vụ và trách nhiệm** theo quy định của **Luật Doanh nghiệp,** Luật Chứng khoán, pháp luật **có** liên quan, Điều lệ Công ty **và** Quy chế này	*Bổ sung giúp điều khoản bao quát đầy đủ nguồn luật áp dụng và đảm bảo tính chuẩn mực trong quản trị công ty*
	2. **Thành viên Hội đồng quản trị có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại Điều 33 Điều lệ công ty.** Ngoài **ra** thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm và nghĩa vụ theo Điều 277 Nghị định 155/2020, cụ thể như sau:	2. Ngoài **các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 điều này** thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm và nghĩa vụ theo Điều 277 Nghị định **số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ**, cụ thể như sau:	*Sửa đổi khoản 2 Điều 48 nhằm cấu trúc lại các danh mục nghĩa vụ, loại bỏ các đoạn văn bị lặp từ (lỗi kỹ thuật soạn thảo tại điểm*

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty; Khi thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình, thành viên Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, các quy định nội bộ khác của Công ty và thực hiện nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hiện hành hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên Hội đồng quản trị phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm; **c. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;** **g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật hiện hành.**	**a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;** **c. Lược bỏ** **g. Lược bỏ**	*a), đồng thời chuẩn hóa các nội dung mở rộng cho tương thích hoàn toàn với cấu trúc các nghĩa vụ quy định tại Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP*
9	**Điều 50. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên Hội đồng quản**	**Điều 50. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên Hội đồng quản**	
	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và	*Chuẩn hóa điểm a, b, c, d bảo đảm bám sát Điều 155 Luật Doanh nghiệp*

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	định tại khoản 1 Điều 32 Điều lệ Công ty như sau: a. **Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo Không thuộc đối tượng** quy định tại khoản 2 Điều 17 **của** Luật Doanh nghiệp; b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty; c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty **có thể chỉ được** đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của **tối đa 05** Công ty khác **phù hợp với các quy định của pháp luật**; d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty; **không được là người có liên quan của viên chức quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng;**	điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Điều lệ Công ty như sau: a. **Không thuộc đối tượng** quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp; b. **Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên;** Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty; c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty **chỉ được** đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị **hoặc Hội đồng thành viên** của **tối đa 05** Công ty khác; d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty;	*2020, sửa đổi điểm c theo quy định tại khoản 78 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 và khoản 1 Điều 32 Điều lệ Công ty*
10	**Điều 53.Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**	**Điều 53.Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**	
	1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Quy chế này **hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;** b. Có đơn từ chức và được chấp thuận; c. Không còn là đại diện theo ủy quyền **hoặc đại diện phần vốn** của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó; d. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.	1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Quy chế này; b. Có đơn từ chức và được chấp thuận; c. Không còn là đại diện theo ủy quyền **hoặc đại diện phần vốn** của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó; d. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức	*quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty.*

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	e. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty. 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. **Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;** b. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống trừ trường hợp bất khả kháng.	đó không còn là cổ đông của Công ty nữa. e. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty. 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống trừ trường hợp bất khả kháng. **b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.**	
11	**Điều 66. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị**	**Điều 66. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị**	
	Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Điều 66 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.	Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự **và đồng ý thông qua biên bản họp ký** và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Điều 66 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực. **Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.**	*Sửa đổi, bổ sung theo khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022*
12	**Điều 76. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát**	**Điều 76. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát**	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. **Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp** theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý khác của Công ty; **không được là người có liên quan của viên chức quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng;**	1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. **Không thuộc đối tượng** theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý khác của Công ty; **không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty;**	*Chuẩn hóa điểm a, c khoản 1 Điều 76 heo đúng quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp*
13	**Điều 77. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**	**Điều 77. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**	
	4. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các đông khác đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.	Lược bỏ khoản 4 Điều 77	*Lược bỏ khoản 4 Điều 77 do trùng lặp với khoản 2 Điều 77*
14	**Điều 83. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc**	**Điều 83. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc**	
	2. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: b. Không được là người có **quan hệ gia đình** của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty; người đại diện phần vốn nhà nước; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty; **c.** Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.	2. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: b. Không được là người có **liên quan** của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty; người đại diện phần vốn nhà nước; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty; **c. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên;** Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.	*Sửa đổi, bổ sung theo khoản 83 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025. Bổ sung điểm c theo đề nghị của Sở Nội vụ thành phố Đà Năng tại VB số 9564/SNV-CCVC ngày 08/10/2026*

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
15	**Điều 87. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng**	**Điều 87. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng**	
	3. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng theo đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty. **4. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm, ký hợp đồng với thời hạn 05 năm và có thể được bổ nhiệm, ký hợp đồng lại.**	**3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết và chấm dứt hợp đồng đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.** **4. Lược bỏ**	*Đảm bảo đồng bộ với Điều lệ Công ty*

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 08/TTr- HĐQT	*Đà Nẵng, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp 2025;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/ NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng hiện hành;

Căn cứ yêu cầu rà soát, cập nhật các quy định nội bộ của Công ty để bảo đảm phù hợp với Điều lệ Công ty được sửa đổi, bổ sung và các quy định pháp luật hiện hành.

Hội đồng quản trị đã tổ chức rà soát Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành và nhận thấy một số nội dung cần được sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm phù hợp với các quy định pháp luật mới có hiệu lực, tăng cường tính minh bạch, rõ ràng trong quản trị doanh nghiệp và đáp ứng yêu cầu về mô hình tổ chức, thực tiễn hoạt động của Công ty.

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã xây dựng Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (sửa đổi, bổ sung) của Công ty, đồng thời lập Phụ lục các nội dung sửa đổi, bổ sung kèm theo Tờ trình này

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo Phụ lục đính kèm, làm cơ sở để hoàn thiện, ban hành và tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, HCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hồ Hương

PHỤ LỤC: CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

(Kèm theo Tờ trình số 08/TTr- HĐQT, ngày 30 tháng 10 năm 2026)

Các nội dung khác biệt về quản trị công ty giữa Quy chế hiện hành và Quy chế dự thảo được tóm tắt tại bảng so sánh kèm theo.

Ghi chú:

- Nội dung in đậm: nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc lược bỏ trong Quy chế dự thảo.

I. NHỮNG NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1	**Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị** (...) 4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị: a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu **01 (một) 1/3 tổng số** thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	**Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị** (...) 4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị: a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu **01 (một)** thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	*Sửa đổi theo quy định Khoản 79 Điều 1 NĐ 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 276 NĐ 155*
2	**Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị** 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau: a) **Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ**, không thuộc đối tượng **không được quản lý doanh nghiệp theo** quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty; c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty **có thể** đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác phù hợp với các quy định của pháp luật;	**Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị** 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau: **a)** Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp. b) **Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên;** Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty; **c)** Thành viên Hội đồng quản trị công ty **chỉ được** đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị **hoặc Hội đồng thành viên** của **tối đa 05** công ty khác.	*Chuẩn hóa điểm a, c, d bảo đảm bám sát Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020, sửa đổi điểm c theo quy định tại khoản 78 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025. Bổ sung điểm c theo đề nghị của Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng tại VB số 9564/SNV-CCVC ngày 08/10/2026*

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty; **không được là người có liên quan của viên chức quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng;** e) ……	d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty; e) …….	
3	**Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị** **……** **2.** Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc	**Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị** **……** **2.** Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc **Công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty đại chúng khác.**	*Bổ sung theo quy định Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP*
4	**Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản tri.** 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: ….. c) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: **a) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi**	**Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản tri.** 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: …… c) Không còn là đại diện theo ủy quyền **hoặc đại diện phần vốn** của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Lược bỏ	*Để phù hợp với quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020 và chuẩn hóa thuật ngữ pháp lý trong Điều lệ Công ty*
5	**Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị** 3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm như sau: k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, ký kết hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý **quan trọng** khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; quyết định việc cử, chấm dứt, thay đổi, khen	**Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị** 3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm như sau: k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, ký kết hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý khác **theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật**; quyết định tiền lương, thù lao, **tiền** thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; quyết	*Chuẩn hóa cách dẫn chiếu, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và tăng tính linh hoạt khi áp dụng*

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	thưởng, kỷ luật, thù lao, giao nhiệm vụ... đối với người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; Quyết định mức tiền thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát... trên cơ sở Quỹ tiền thưởng Người quản lý và Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua;	định việc cử, chấm dứt, thay đổi, khen thưởng, kỷ luật, thù lao, giao nhiệm vụ... đối với người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; Quyết định mức tiền thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát... trên cơ sở Quỹ tiền thưởng Người quản lý và Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua;	
6	**Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị** 3. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	**Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị** 3. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự **và đồng ý thông qua biên bản họp ký** và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. **Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan**	*Sửa đổi, bổ sung theo khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022*

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 05/2026/TTr-BKS	*Đà Nẵng, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/ NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng hiện hành;

Căn cứ yêu cầu hoàn thiện quy định quản trị và tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

Nhằm bảo đảm Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và yêu cầu quản trị trong tình hình mới, Ban kiểm soát đã rà soát Quy chế hiện hành và xây dựng dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sửa đổi, bổ sung.

Các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung tập trung vào việc chuẩn hóa quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban kiểm soát; điều chỉnh quy định về ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát và các nội dung liên quan theo yêu cầu hoàn thiện Quy chế. Nội dung chi tiết được thể hiện tại Phụ lục so sánh các nội dung sửa đổi, bổ sung kèm theo Tờ trình này.

Trên cơ sở đó, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo dự thảo và Phụ lục kèm theo Tờ trình này, làm cơ sở hoàn thiện, ban hành và tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Nguyễn Thị Thu Hà

PHỤ LỤC: CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ

(Kèm theo Tờ trình số 05/2026/TTr-BKS ngày 30 tháng 10 năm 2026)

Các nội dung khác biệt về quản trị công ty giữa Quy chế hiện hành và Quy chế dự thảo được tóm tắt tại bảng so sánh kèm theo.

Ghi chú:

- Nội dung in đậm: nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc lược bỏ trong Quy chế dự thảo.

I. NHỮNG NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1	**Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát** 1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. **Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo** quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;	**Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát** 1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. **Không thuộc đối tượng theo** quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;	*Chuẩn hóa điểm a khoản 1 Điều 5 của Quy chế theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14*
2	**Điều 7. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát** 2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết theo quy định **tại khoản 1 Điều 48 Điều lệ Công ty**, Ban kiểm soát đương nhiệm **có thể** đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. **3 Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các đông khác đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.**	**Điều 7. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát** 2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế này. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.	*Gộp Khoản 2 và Khoản 3 cũ thành 1 khoản duy nhất để tinh gọn văn bả*

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 09/TTr-HĐQT	*Đà Nẵng, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

TỜ TRÌNH
Về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2031

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Cấp nước Đà Nẵng;

- Căn cứ Công văn số 11026/UBND-SNV ngày 25 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc cho ý kiến về công tác nhân sự tại Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng;

- Căn cứ Quyết định số 42/QĐ-DMT ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng – Miền Trung về việc cử người đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng nhiệm kỳ 2026 – 2031.

Nhiệm kỳ Hội đồng quản trị (HĐQT) đương nhiệm Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng (Công ty) kết thúc vào ngày 30 tháng 10 năm 2026. Để kiện toàn tổ chức quản trị Công ty cho nhiệm kỳ tiếp theo, HĐQT Công ty xin báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định các nội dung sau:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Thông qua số lượng thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng nhiệm kỳ 2026 - 2031 là **05 thành viên**.

2. Danh sách ứng viên Hội đồng quản trị

Danh sách ứng viên được đề cử để bầu thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng nhiệm kỳ 2026 - 2031 gồm:

- Ông Hồ Hương (người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty);
- Ông Hồ Minh Nam (người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty);
- Ông Phan Thịnh (người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty);

- Ông Đặng Thanh Bình (người đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng – Miền Trung tại Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng);

- Ông Hồ Minh Khiết (người đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng – Miền Trung tại Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng).

Hồ sơ của các ứng viên, bao gồm sơ yếu lý lịch, trình độ chuyên môn, quá trình công tác và các tài liệu liên quan, được gửi kèm theo Tờ trình này.

Việc ứng cử, đề cử, lập danh sách ứng viên và bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định.

3. Kiến nghị

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026 - 2031 là 05 thành viên và thực hiện việc bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử áp dụng tại Đại hội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, TK HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0400100066 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Hồ Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10/TTr-HĐQT	*Đà Nẵng, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

TỜ TRÌNH
Về việc bầu thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Cấp nước Đà Nẵng;

- Căn cứ Công văn số 20/CTCN-NĐD ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng về việc đề xuất nhân sự Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng nhiệm kỳ 2026 – 2031;

- Căn cứ Công văn số 11026/UBND-SNV ngày 25 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc cho ý kiến về công tác nhân sự tại Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.

Nhiệm kỳ Ban Kiểm soát (BKS) đương nhiệm Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng (Công ty) kết thúc vào ngày 30 tháng 10 năm 2026. Để kiện toàn tổ chức quản trị Công ty cho nhiệm kỳ tiếp theo, HĐQT Công ty xin báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định các nội dung sau:

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát

Số lượng thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng nhiệm kỳ 2026 – 2031 là **03 thành viên**.

2. Danh sách nhân sự dự kiến bầu vào Ban Kiểm soát

- Bà Nguyễn Thị Thu Hà;
- Bà Phạm Thị Quế Chi;
- Bà Lê Mai Phương.

Hồ sơ của các ứng viên, bao gồm sơ yếu lý lịch, trình độ chuyên môn, quá trình công tác và các tài liệu liên quan, được gửi kèm theo Tờ trình này.

Việc ứng cử, đề cử, lập danh sách ứng viên và bầu thành viên BKS được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc bầu thành viên BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định.

3. Kiến nghị

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ 2026 - 2031 là 03 thành viên và thực hiện việc bầu thành viên BKS nhiệm kỳ mới theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử áp dụng tại Đại hội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, TK HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0400[illegible] - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Hồ Hương